

Vietnam Daily Review

Chiếc nền Doji thứ 2

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/8/2022		●	
Tuần 15/8-19/8/2022		●	
Tháng 8/2022		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay tiếp tục là một phiên giao dịch lưỡng lự của nhà đầu tư, VN-Index hình thành một cây nến Doji thứ hai liên tiếp. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm, nhờ có nhóm Bất động sản gánh “còng lưng” mà thị trường mới giữ được sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, thị trường có lẽ sẽ vẫn tiếp tục tích lũy thêm tại ngưỡng 1,275 để lấy đà bật lên lấp gap 1,260-1,285.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng điểm theo nhịp tăng điểm của VN30. Các nhà đầu tư nên thận trọng giao dịch trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/08/2022, các chứng quyền tiếp tục phân hóa theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+0.59** điểm, đóng cửa **1275.28** điểm. HNX-Index **-0.43** điểm, đóng cửa **302.59** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.36)**, **MSN (+0.84)**, **NVL (+0.7)**, **PDR (+0.66)**, **MBB (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.62)**, **GAS (-0.52)**, **MWG (-0.36)**, **HPG (-0.36)**, **GVR (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,482** tỷ đồng, tăng **14.97%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,674 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 8.64 điểm. Thị trường có **189** mã tăng, 82 mã tham chiếu, **247** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-47.47** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KBC (-71.97 tỷ)**, **VHM (-71.13 tỷ)**, **HCM (-43.48 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.43** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1275.28**

Giá trị: 15481.91 tỷ

0.59 (0.05%)

Khối ngoại (ròng): -47.47 tỷ

HNX-INDEX **302.59**

Giá trị: 1753.38 tỷ

-0.43 (-0.14%)

Khối ngoại (ròng): 14.43 tỷ

UPCOM-INDEX **93.07**

Giá trị: 0.79 tỷ

0.23 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): -30.88 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	86.9	0.39%
Giá vàng	1,775	-0.06%
Tỷ giá USD/VND	23,406	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,790	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	17,362	0.00%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	0.17%
LS TPCP 5 năm	3.1%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	83.0	KBC	-72.0
PVD	53.4	VHM	-71.1
DXG	36.6	HCM	-43.5
MSN	33.5	FUEKIV30	-39.9
STB	32.3	VND	-39.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	91.40	1.00%	0.82%	-9.69%	31.99%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	97.16	0.88%	0.39%	-6.26%	36.00%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	3.05	3.18%	4.88%	-7.73%	32.67%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1792.20	-0.11%	1.55%	3.38%	2.32%		PNJ
Bạc	Ounce	20.59	0.42%	2.75%	7.89%	-12.47%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1679.25	-0.31%	7.78%	10.33%	19.48%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	803.43	2.81%	5.20%	-6.20%	10.51%	AFX	
Sữa	Cwt	20.03	-0.30%	-0.60%	-11.92%	24.10%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	152.30	-1.36%	0.13%	-5.23%	-12.07%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	18.28	1.67%	2.87%	-3.08%	-6.11%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	2.83	0.00%	0.00%	-1.74%	-11.29%		
Cà phê	LB	220.45	3.62%	2.70%	-1.01%	19.91%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.63	1.15%	4.68%	5.85%	-16.73%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	4093.00	-0.29%	0.79%	1.56%	-23.54%		HPG
Nhôm	Ton	2497.50	0.75%	5.03%	4.94%	-3.43%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	111.50	-1.33%	-4.70%	-0.89%	-32.63%	HPG	
Than đá	Ton	384.50	3.64%	-4.71%	-8.23%	130.10%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.51%, đạt 88.28 USD/thùng. Giá dầu thô Brent giao tháng 9 giảm 4.77%, đạt 93.47 USD/thùng,.
- Lí do giá giảm giá được cho là do lo ngại về nhu cầu dầu ở Trung Quốc, nước nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới, và phản ứng của Iran đối với đề xuất thỏa thuận hạt nhân có thể tăng xuất khẩu dầu của nước này

Giá vàng

- Giá vàng thế giới rạng sáng 16/8 giảm mạnh với giá vàng tương lai giảm 17.2 USD, xuống còn 1,781.4 USD/ounce. Vàng giao ngay giao dịch lần cuối ở mức 1,779.6 USD/ounce, giảm 20.4 USD so với sáng ngày trước đó.
- Giá vàng thế giới trong phiên giao dịch đầu tuần liên tục “lao dốc” do lo ngại nguồn cầu đối với vàng bị hạn chế sau khi Trung Quốc công bố dữ liệu kinh tế trong tháng 7 đáng thất vọng.

Giá thép

- Giá thép 15/8 giao tháng 10/2022 trên Sàn giao dịch Thượng Hải tăng 42 nhân dân tệ lên mức 4,169 nhân dân tệ/tấn.
- Ngành thép đang trải qua tình trạng suy giảm thanh khoản nghiêm trọng do điều kiện kinh tế xấu đi và nhiều nhà máy quy mô vừa và nhỏ đã đóng cửa. Tình hình hiện tại có thể gây thiệt hại về cơ cấu cho ngành thép trong nhiều thập kỷ tới.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (Tocom), giá cao su kỳ hạn giao tháng 8/2022 ghi nhận mức 220.9 yen/kg, giảm 2.72%, giảm 6 yen/kg. Các kỳ hạn cao su tháng 9, 10, 11, 12 cũng đều giảm khá mạnh.
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2022 đứng ở mức 11,890 nhân dân tệ/tấn, giảm 1.41%, giảm 170 nhân dân tệ/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Robusta tại London giao tháng 9/2022 tăng 4 USD/tấn ở mức 2,256 USD/tấn, giao tháng 11/2022 tăng 4 USD/tấn ở mức 2,265 USD/tấn.
- Trên sàn New York, giá cà phê Arabica giao tháng 9/2022 giảm 1.1 cent/lb, ở mức 225.5 cent/lb, giao tháng 12/2022 giảm 0.85 cent/lb, ở mức 221.55 cent/lb.

Thị trường chứng khoán thế giới

	17/8	% 17/8	16/8	% 16/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1275.28	0.05%	1274.69	-12.26%	1.49%	8.40%
S&P 500			4305.20	0.19%	4.43%	11.44%
HDTL S&P500	4292.25	-0.36%	4307.75	3.45%	1.95%	11.96%
Shang-hai	3292.53	0.45%	3277.89	-0.55%	1.94%	0.44%
Euro Stoxx	3793.69	-0.30%	3805.22	-2.17%	1.18%	8.03%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	30	12	1.69%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	64.4	13	3.37%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2022	REE	81.2	93	76	82.8	14	1.97%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	POW	13.75	16	13	13.95	15	1.45%	Có thể tiếp tục mua
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	43.8	16	6.18%	Có thể tiếp tục mua
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	24.55	30	5.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

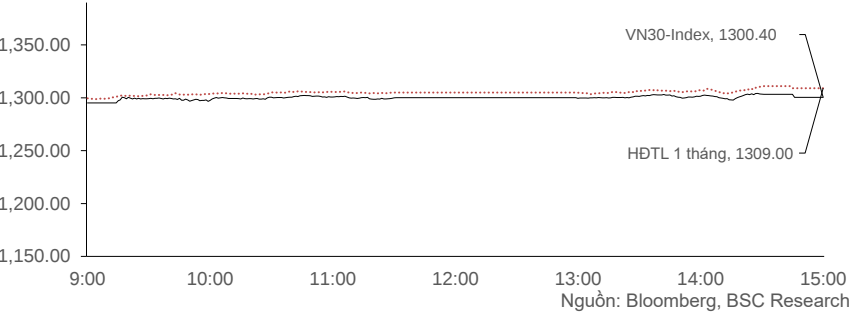
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	0	3.42%	0.00%	3.42%	17
Cổ phiếu đã chốt	249	222	7.10%	-7.53%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2208	1309.00	0.93%	8.60	3.0%	186,608	8/18/2022	3
VN30F2209	1298.00	0.43%	-2.40	51.0%	13,347	9/15/2022	31
VN30F2212	1285.20	0.41%	-15.20	13.3%	34	12/15/2022	122
VN30F2203	1275.00	0.44%	-25.40	57.6%	52	3/16/2023	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 5.30 điểm lên 1300.40 điểm, biên độ dao động 7.91 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VIC, NVL, PDR, MBB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30. Tâm lý lưỡng lự chiếm ưu thế làm VN30 giằng co trong biên độ nhỏ với mức thanh khoản thấp hơn phiên trước đó. Do phiên 18/08 là phiên đáo hạn HĐTL tháng 08, các nhà đầu tư nên thận trọng giao dịch trong phiên tới.

- Các HĐTL tăng điểm theo nhịp tăng điểm của VN30. Xét về KLGD, các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng trừ VN30F2208 suy giảm mạnh.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2208	3/28/2023	223	16:1	1,200	25.62%	1,200	1,340	6.35%	646	2.08	99,519	79,999	84,400
CMSN2208	10/7/2022	51	14.8:1	100,800	42.39%	2,400	1,020	6.25%	772	1.32	111,485	104,233	111,300
CMBB2207	1/3/2023	139	10:1	44,100	35.14%	1,000	720	4.35%	530	1.36	41,356	23,456	27,750
CHDB2208	3/8/2023	203	5:1	21,300	35.92%	1,100	1,500	3.45%	966	1.55	28,499	23,999	26,750
CVNM2204	10/7/2022	51	9.67:1	427,900	26.71%	1,500	680	3.03%	442	1.54	70,603	73,000	72,600
CKDH2209	3/28/2023	223	7.26:1	891,400	33.33%	1,200	1,390	2.96%	850	1.63	53,768	36,344	39,300
CKDH2208	12/7/2022	112	4.54:1	4,400	33.33%	2,400	1,780	2.30%	1,136	1.57	43,019	35,891	39,300
CHDB2207	12/7/2022	112	3:1	6,100	35.92%	2,500	1,720	1.78%	1,196	1.44	24,860	24,500	26,750
CVRE2210	12/7/2022	112	4:1	158,200	40.02%	2,300	1,200	1.69%	791	1.52	28,800	28,800	29,500
CMBB2206	10/3/2022	47	10:1	101,100	35.14%	1,000	630	1.61%	571	1.10	31,422	22,222	27,750
CPNJ2203	10/3/2022	47	24.8:1	174,800	40.32%	1,300	770	1.32%	608	1.27	139,190	109,999	114,900
CSTB2215	3/28/2023	223	5:1	126,900	46.29%	1,100	1,450	0.00%	1,120	1.29	30,922	22,222	25,400
CPNJ2202	10/3/2022	47	24.8:1	17,700	40.32%	1,200	780	0.00%	694	1.12	117,834	99,999	114,900
CSTB2211	12/27/2022	132	8:1	356,500	46.29%	1,000	690	0.00%	509	1.36	26,693	23,333	25,400
CNVL2205	12/27/2022	132	16:1	11,900	25.62%	1,100	930	0.00%	452	2.06	105,568	81,888	84,400
CPNJ2201	9/20/2022	34	7.91:1	129,000	40.32%	2,300	2,720	-0.73%	2,667	1.02	113,216	95,500	114,900
CVNM2207	3/28/2023	223	15.4:1	8,400	26.71%	1,100	1,020	-0.97%	597	1.71	68,668	68,668	72,600
CSTB2214	1/9/2023	145	2:1	39,400	46.29%	1,630	2,630	-1.87%	2,205	1.19	23,480	23,000	25,400
CTPB2204	3/28/2023	223	10:1	43,700	43.36%	1,000	840	-4.55%	689	1.22	39,388	23,888	28,700
CTPB2203	10/28/2022	72	10:1	14,000	43.36%	1,000	740	-5.13%	620	1.19	75,899	22,999	28,700
Tổng				2,678,800	37.12%**								
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
		**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/08/2022, các chứng quyền tiếp tục phân hóa theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2203 và CPDR2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100.00% và 60.00%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -1.15%. CSTB2214 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.63% thị trường.
- CMSN2202, CSTB2209, CMBB2207, CNVL2208 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPDR2204, CHDB2208, CNVL2206, và CVPB2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201, CSTB2214, và CKDH2208 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE		
MWG	Bán lẻ	65.0	-1.5%	0.6	4,137	7.2	3,360	19.3	4.2	49.0%	24.2%		
PNJ	Bán lẻ	114.9	-0.1%	0.6	1,211	1.5	5,978	19.2	3.5	49.0%	20.1%		
BVH	Bảo hiểm	56.8	-1.2%	1.2	1,833	2.4	2,380	23.9	1.9	26.6%	8.3%		
PVI	Bảo hiểm	46.2	-0.4%	0.7	471	0.1	3,289	14.0	1.4	58.5%	9.9%		
VIC	Bất động sản	67.3	2.1%	0.5	11,160	6.4	#N/A	N/A	#N/A	N/A	12.2%	#VALUE!	
VRE	Bất động sản	29.5	0.7%	1.1	2,914	2.1	571	51.7	2.1	32.1%	4.2%		
VHM	Bất động sản	61.3	0.0%	0.8	11,605	6.7	6,442	9.5	2.2	23.3%	25.8%		
DXG	Bất động sản	28.7	2.9%	1.4	758	14.2	1,223	23.5	1.9	29.4%	8.2%		
SSI	Chứng khoán	24.6	-0.2%	1.7	1,589	22.8	2,674	9.2	1.8	24.8%	22.0%		
VCI	Chứng khoán	36.5	1.4%	1.0	691	12.1	3,497	10.4	2.2	18.0%	24.3%		
HCM	Chứng khoán	27.0	0.7%	1.6	537	12.9	2,522	10.7	1.6	41.8%	17.5%		
FPT	Công nghệ	88.3	-0.5%	0.9	4,212	5.8	4,517	19.5	5.0	49.0%	27.1%		
FOX	Công nghệ	71.0	0.1%	0.4	1,014	0.1	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%		
GAS	Dầu khí	112.4	-1.0%	1.0	9,353	4.3	6,669	16.9	3.6	3.0%	24.3%		
PLX	Dầu khí	42.7	-1.4%	1.5	2,356	2.9	514	82.9	2.3	17.6%	3.1%		
PVS	Dầu khí	25.5	-1.2%	1.6	530	9.0	1,115	22.9	1.0	9.3%	4.4%		
BSR	Dầu khí	24.2	-2.8%	0.8	3,262	14.0	2,108	11.5	2.0	41.1%	19.1%		
DHG	Dược	91.6	0.0%	0.3	521	0.1	6,361	14.4	3.2	54.2%	23.1%		
DPM	Hóa chất	47.2	-1.3%	1.3	803	4.5	12,920	3.7	1.5	15.8%	50.2%		
DCM	Hóa chất	32.2	-1.8%	1.2	741	4.4	7,025	4.6	1.7	8.9%	44.7%		
VCB	Ngân hàng	81.5	0.0%	0.8	16,770	2.7	#N/A	N/A	#N/A	N/A	23.6%	#VALUE!	
BID	Ngân hàng	40.0	-1.2%	1.2	8,797	2.4	2,574	15.5	2.2	17.0%	15.1%		
CTG	Ngân hàng	29.1	-0.3%	1.5	6,080	4.7	3,056	9.5	1.4	26.8%	15.1%		
VPB	Ngân hàng	30.2	0.0%	1.2	5,827	13.7	3,755	8.0	1.5	17.6%	22.2%		
MBB	Ngân hàng	27.8	1.8%	1.3	4,559	18.5	4,160	6.7	1.5	23.2%	26.0%		
ACB	Ngân hàng	25.0	0.4%	1.1	3,664	3.6	3,482	7.2	1.6	30.0%	25.4%		
BMP	Nhựa	65.0	-1.8%	0.7	231	0.5	4,413	14.7	2.2	85.4%	15.2%		
NTP	Nhựa	43.5	-1.4%	0.6	245	0.2	3,914	11.1	1.9	17.8%	18.0%		
MSR	Tài nguyên	20.6	-1.4%	1.6	984	0.2	178	115.7	1.6	10.1%	1.4%		
HPG	Thép	24.3	-1.0%	1.1	6,143	29.0	4,747	5.1	1.4	20.3%	31.8%		
HSG	Thép	21.2	-2.8%	1.6	458	13.4	4,213	5.0	0.9	6.6%	19.3%		
VNM	Tiêu dùng	72.6	1.1%	0.6	6,597	4.1	4,055	17.9	4.4	54.5%	25.8%		
SAB	Tiêu dùng	188.5	0.3%	0.8	5,256	1.6	7,018	26.9	5.3	62.8%	21.0%		
MSN	Tiêu dùng	111.3	2.1%	1.0	6,890	5.6	7,172	15.5	5.4	28.7%	40.2%		
SBT	Tiêu dùng	18.7	-1.8%	1.6	510	1.4	1,381	13.5	1.4	8.2%	8.3%		
ACV	Vận tải	88.7	0.0%	0.8	8,395	0.2	363	244.5	5.1	3.8%	1.3%		
VJC	Vận tải	123.5	0.1%	1.1	2,908	4.1	695	177.7	3.8	16.7%	2.2%		
HVN	Vận tải	17.4	-2.0%	1.7	1,670	1.1	(4,381)	#N/A	N/A	#N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.6	-1.1%	0.9	689	2.1	2,702	19.5	2.3	46.2%	12.5%		
PVT	Vận tải	21.0	0.0%	1.4	296	1.6	2,000	10.5	1.2	14.0%	12.5%		
VCS	Vật liệu xây dựng	80.8	-1.2%	0.8	562	0.3	10,334	7.8	2.6	3.1%	36.9%		
VGC	Vật liệu xây dựng	65.3	-2.4%	0.7	1,273	4.9	4,350	15.0	3.8	5.5%	27.7%		
HT1	Vật liệu xây dựng	16.7	-1.5%	1.1	277	0.5	505	33.0	1.2	1.9%	3.6%		
CTD	Xây dựng	67.3	-0.1%	1.2	216	2.2	(961)	#N/A	N/A	0.6	52.5%	-0.8%	
CII	Xây dựng	25.0	-1.4%	1.5	274	18.0	1,253	19.9	1.1	10.5%	6.3%		
REE	Điện	82.8	-1.7%	-1.4	1,279	5.4	6,593	12.6	2.1	49.1%	17.7%		
PC1	Điện	39.4	-1.4%	-0.4	403	2.3	2,077	19.0	1.9	4.6%	10.5%		
POW	Điện	14.0	-1.1%	0.6	1,420	6.5	674	20.7	1.1	2.4%	5.3%		
NT2	Điện	25.9	-1.9%	0.6	324	1.5	3,116	8.3	1.7	14.6%	20.9%		
KBC	Khu công nghiệp	37.1	-3.0%	1.5	1,238	20.6	3,267	11.4	1.7	19.6%	18.5%		
BCM	Khu công nghiệp	81.5	2%	0.9	3,668	1.4	1,475	55.2	4.9	2.8%	11.1%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	67.30	2.12	1.35	2.20MLN
MSN	111.30	2.11	0.83	1.17MLN
NVL	84.40	1.69	0.69	3.04MLN
PDR	58.20	6.79	0.63	5.21MLN
MBB	27.75	1.83	0.48	15.40MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-0.64	1.39MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.53	879200	607060
MWG	0.00	-0.37	2.52MLN	373600
HPG	0.00	-0.37	27.44MLN	192700
GVR	0.00	-0.25	1.71MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDC	52.30	6.95	0.09	4.70MLN
PTB	68.10	6.91	0.08	1.23MLN
FDC	25.65	6.88	0.02	23400
NHA	28.10	6.84	0.02	535300
PDR	58.20	6.79	0.63	5.21MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMD	2.95	-6.94	-0.01	7.57MLN
PDN	106.20	-6.92	-0.04	1200
HAI	2.44	-6.87	-0.01	1.60MLN
FLC	5.32	-6.83	-0.07	3.92MLN
POM	7.61	-6.63	-0.04	267200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

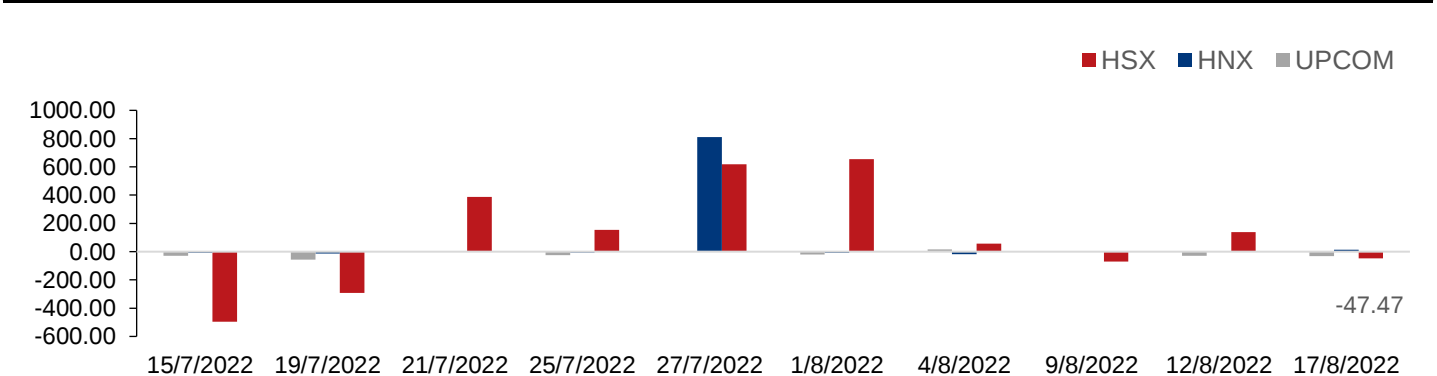
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	65.00	0.46	0.12	2.35MLN
THD	59.40	0.34	0.12	67500.00
S99	11.50	9.52	0.07	745600
L18	45.00	5.88	0.07	178500.00
EVS	24.50	2.94	0.04	322700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	27.70	-2.12	-0.47	21900
BAB	16.70	-1.18	-0.24	15100
SHS	14.60	-1.35	-0.24	12.28MLN
HUT	28.60	-2.05	-0.20	4.01MLN
SCG	67.50	-2.32	-0.15	501300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	50.70	10.0	0.02	400
ECI	27.80	9.9	0.00	100
VBC	27.80	9.9	0.01	8400
SCI	14.60	9.8	0.03	477300
S99	11.50	9.5	0.07	745600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PMB	14.40	-10.00	-0.01	13600
TTT	44.10	-10.00	-0.01	4600
PTD	14.90	-9.70	0.00	200
SGD	23.40	-9.65	-0.01	200
AMC	20.00	-9.09	-0.01	300

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	47.2	12,920	3.7	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.7	505	33.0	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.9	3,116	8.3	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	19.1	0	#N/A N/A	0.8	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	39.2	2,692	14.5	1.4	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.2	1,168	19.8	2.1	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.4	2,077	19.0	1.9	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	14.0	674	20.7	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	21.8	9,632	2.3	0.9	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	82.8	6,593	12.6	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	35.3	4,406	8.0	0.9	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	112.4	6,669	16.9	3.6	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	51.6	3,842	13.4	2.4	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	24.3	4,747	5.1	1.4	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	18.6	4,170	4.5	2.0	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.2	2,108	11.5	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	73.3	3,789	19.3	6.2	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.9	5,978	19.2	3.5	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.1	1,889	8.0	0.7	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.9	3,116	8.3	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	73.0	10,763	6.8	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	85.5	5,014	17.1	5.5	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.4	2,077	19.0	1.9	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.8	66	238.1	0.8	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	88.3	4,517	19.5	5.0	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.0	2,277	13.2	2.0	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	21.8	9,632	2.3	0.9	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	14.0	674	20.7	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.9	5,978	19.2	3.5	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	65.0	3,360	19.3	4.2	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.0	2,000	10.5	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	93.3	12,417	7.5	3.8	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	24.3	4,747	5.1	1.4	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	37.1	3,267	11.4	1.7	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	24.9	5,207	4.8	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	28.7	1,223	23.5	1.9	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	71.5	4,503	15.9	5.4	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	51.6	3,842	13.4	2.4	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	28.3	2,906	9.7	2.0	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	86.9	11,226	7.7	2.2	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.0	1,941	15.4	1.4	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	46.2	3,289	14.0	1.4	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	25.5	1,115	22.9	1.0	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	112.4	6,669	16.9	3.6	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.1	4,011	5.5	1.5	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	67.3	-961	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.1	1,889	8.0	0.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
3	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
13	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
16	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
18	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
22	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
25	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
28	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
31	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
38	Banking Sector Outlook		x	Click
39	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
41	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
42	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639